

**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Cho kỳ kế toán 03 tháng từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/12/2021**

Hà Nội – Tháng 01 năm 2022



## CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Địa chỉ: Tầng 3 nhà G1 tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

---

### MỤC LỤC

	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	4 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7-8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 41

## CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP

Địa chỉ: Tầng 3 nhà G1 tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Clever Group (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho kỳ báo cáo tài chính từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

#### CÔNG TY

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 19 ngày 16/09/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0102850165 thay đổi lần thứ 19 ngày 16/09/2021 là 198.890.980.000 đồng (*Một trăm chín mươi tám tỷ tám trăm chín mươi triệu chín trăm tám mươi nghìn đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết trên sàn HOSE với mã cổ phiếu ADG.

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

#### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

##### Hội đồng quản trị

- |                          |                    |
|--------------------------|--------------------|
| - Ông Nguyễn Khánh Trình | Chủ tịch           |
| - Bà Lưu Hoàng Anh       | Thành viên         |
| - Bà Đôn Nữ Đức Hiền     | Phó Chủ tịch       |
| - Ông Dư Khắc Châu       | Thành viên         |
| - Ông Lee Sang Seok      | Thành viên         |
| - Ông Phạm Thanh Hải     | Thành viên độc lập |
| - Ông Trần Anh Nam       | Thành viên độc lập |

##### Ban Giám đốc

- |                         |  |
|-------------------------|--|
| - Ông Bạch Dương        | Giám đốc                                 |
| - Bà Đôn Nữ Đức Hiền    | Phó Giám đốc                             |
| - Bà Lưu Hoàng Anh      | Giám đốc chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh |
| - Bà Trần Thị Minh Tinh | Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng               |

#### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 26/01/2022, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Clever Group ban hành Nghị quyết số 03/2022/QĐ-HĐQT.ADG thông qua việc bầu chức danh mới, bổ nhiệm, miễn nhiệm người nội bộ; thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 bao gồm ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền dự họp cho các cổ đông hiện hữu, thời gian dự kiến tổ chức và các nội dung dự kiến thảo luận.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**

Địa chỉ: Tầng 3 nhà G1 tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

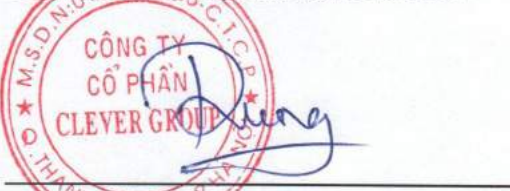
Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và đảm bảo báo cáo tài chính đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc cùng ngày của Công ty và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

**Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc**



**BẠCH DUONG**  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022

**PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Hội đồng quản trị phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ báo cáo kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị**



**NGUYỄN KHÁNH TRÌNH**  
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>375,060,063,446</b>	<b>332,395,999,614</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>10,590,241,284</b>	<b>20,546,846,347</b>
1. Tiền	111		10,590,241,284	20,546,846,347
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.2</b>	<b>225,056,848,747</b>	<b>116,212,643,459</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		225,056,848,747	116,212,643,459
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>131,654,022,588</b>	<b>194,274,316,753</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	104,879,686,910	124,558,429,733
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	830,967,722	1,069,317,543
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	4,500,000,000	4,300,000,000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	21,800,997,627	64,956,021,916
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	5.7	(357,629,671)	(609,452,439)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>6,854,461,847</b>	<b>896,392,784</b>
1. Hàng tồn kho	141		6,854,461,847	896,392,784
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>904,488,980</b>	<b>465,800,271</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	811,857,938	345,873,100
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		32,566,409	62,923,607
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.18	60,064,633	57,003,564
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>76,114,886,091</b>	<b>112,614,182,784</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>50,301,738,224</b>	<b>51,447,472,980</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.5	-	500,000,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.6	50,301,738,224	50,947,472,980

**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**Địa chỉ: Tầng 3 nhà G1 tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,  
phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội**B 01-DN/HN**Ban hành theo Thông tư số 2020/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2021	01/01/2021
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>10,103,111,015</b>	<b>4,594,119,768</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	5,410,873,707	4,262,393,733
- Nguyên giá	222		14,133,127,001	12,341,852,455
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8,722,253,293)	(8,079,458,722)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	4,692,237,308	331,726,035
- Nguyên giá	228		4,780,511,265	400,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(88,273,957)	(68,273,965)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	5.12	<b>4,917,774,635</b>	<b>36,579,425,535</b>
- Nguyên giá	231		4,917,774,635	36,579,425,535
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2	<b>8,326,998,893</b>	<b>14,804,342,907</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		8,326,998,893	4,804,415,237
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	9,999,927,670
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2,465,263,324</b>	<b>5,188,821,594</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	1,228,768,269	1,462,463,266
2. Lợi thế thương mại	269	5.14	1,236,495,055	3,726,358,328
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>451,174,949,537</b>	<b>445,010,182,398</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

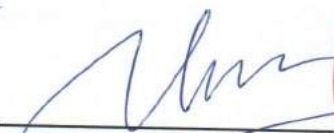
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	31/12/2021		01/01/2021	
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>179,841,958,337</b>		<b>204,822,403,704</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>177,919,037,825</b>		<b>203,042,957,795</b>	
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	65,739,414,171		77,180,903,695	
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	10,029,727,438		6,989,504,226	
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.17	14,655,411,995		13,742,479,238	
4. Phải trả người lao động	314		2,024,565,615		1,907,688,328	
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.19	535,301,655		56,284,216	
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.20	1,590,508,800		1,072,155,310	
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.21	83,344,108,151		102,093,942,782	
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1,922,920,512</b>		<b>1,779,445,909</b>	
1. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	5.22	1,922,920,512		1,779,445,909	
<b>B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>271,332,991,201</b>		<b>240,187,778,693</b>	
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.23</b>	<b>271,332,991,201</b>		<b>240,187,778,693</b>	
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		198,890,980,000		180,003,330,000	
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		198,890,980,000		180,003,330,000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		34,940,000		34,940,000	
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		897,228,837		840,620,701	
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59,610,273,157		48,597,679,443	
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		21,073,593,306		8,586,891,756	
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		38,536,679,851		40,010,787,687	
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		11,899,569,207		10,711,208,549	
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>451,174,949,538</b>		<b>445,010,182,398</b>	



NGUYỄN THỊ HÒÌ  
 Người lập



NGUYỄN THỊ HÒÌ  
 Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022





BẠCH DƯƠNG  
 Giám đốc

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/10/2021 kết thúc ngày 31/12/2021

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Số từ ngày		Kỳ kế toán kết thúc 31/12/2021	Đơn vị tính: VND
			01/10/2021 đến ngày 31/12/2021	01/10/2020 đến ngày 31/12/2020		Kỳ kế toán kết thúc 31/12/2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	185,159,233,104	206,564,323,826	585,906,205,065	454,895,244,097
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	-	2,168,597,988	1,201,476,500	3,001,962,593
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>185,159,233,104</b>	<b>204,395,725,838</b>	<b>584,704,728,565</b>	<b>451,893,281,504</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	157,184,873,802	174,785,456,765	512,317,060,281	374,428,155,037
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>27,974,359,302</b>	<b>29,610,269,073</b>	<b>72,387,668,284</b>	<b>77,465,126,467</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.4	5,499,508,670	6,405,907,624	23,657,170,604	15,578,652,444
7. Chi phí tài chính	22	6.5	1,532,406,058	929,172,684	4,593,987,332	2,122,323,373
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1,531,472,166	23,015,067,968	4,400,556,403	24,048,595,373
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(212,781,886)	245,687,108	(163,760,875)	(38,584,763)
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	3,731,151,885	4,808,599,422	17,410,517,988	14,569,654,997
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	3,630,980,121	5,922,732,311	20,279,359,587	23,777,259,570
<b>11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>24,366,548,021</b>	<b>24,601,359,388</b>	<b>53,597,213,105</b>	<b>52,535,956,208</b>
12. Thu nhập khác	31	6.8	307,273,825	50,464,592	858,999,117	1,085,083,094
13. Chi phí khác	32	6.8	1,261,713,179	151,953,119	2,084,011,921	1,001,149,752
<b>14. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(954,439,355)</b>	<b>(101,488,527)</b>	<b>(1,225,012,804)</b>	<b>83,933,342</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>23,412,108,667</b>	<b>24,499,870,861</b>	<b>52,372,200,301</b>	<b>52,619,889,550</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**

Địa chỉ: Tầng 3 nhà G1 tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Số từ ngày 01/10/2021 đến ngày 31/12/2021	Số từ ngày 01/10/2020 đến ngày 31/12/2020	Kỳ kế toán kết thúc 31/12/2021	Kỳ kế toán kết thúc 31/12/2020
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.9	5,248,553,198	5,130,385,610	11,894,765,113	12,181,659,842
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	6.10	151,191,556	277,672,773	151,191,556	920,481,795
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>18,012,363,912</b>	<b>19,091,812,478</b>	<b>40,326,243,631</b>	<b>39,517,747,913</b>
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		15,401,242,703	18,978,787,352	38,508,581,589	39,945,982,455
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		2,611,121,210	113,085,522	1,817,662,042	(428,234,542)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.11			1,936	2,219
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.11				



NGUYỄN THỊ HÒÌ  
Người lập



NGUYỄN THỊ HÒÌ  
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022

BẠCH DƯƠNG  
Giám đốc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Theo phương pháp gián tiếp  
 Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	52,372,200,301	52,619,889,550
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1,155,208,705	5,263,245,300
- Các khoản dự phòng	03	(251,822,768)	57,429,620
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	175,470,326	(610,237,751)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(23,960,369,965)	(17,114,953,699)
- Chi phí lãi vay	06	4,400,556,403	2,048,595,373
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	<b>33,891,243,002</b>	<b>42,263,968,393</b>
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	67,716,908,436	(76,688,917,797)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5,958,069,062)	(896,392,784)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(6,005,702,096)	50,114,955,244
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	424,914,113	3,774,031,832
- Tiền lãi vay đã trả	14	(4,489,761,452)	(1,556,036,096)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10,246,512,519)	(11,552,694,247)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>75,333,020,423</b>	<b>5,458,914,545</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6,783,058,538)	(28,075,329,982)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	34,050,184,861	15,273,645,455
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(734,524,976,353)	(577,264,778,495)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	635,556,637,843	429,473,139,762
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5,000,000,000)	(3,000,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**

Địa chỉ: Tầng 3 nhà G1 tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

**B 02-DN/HN**

Ban hành theo Thông tư số 2020/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	18,184,484,509	17,085,073,691
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(58,516,727,678)	(146,508,249,569)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	948,000,000	71,594,230,000
2. Tiền thu từ đi vay	33	384,450,394,819	281,662,307,936
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(403,224,614,676)	(208,030,274,810)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8,974,781,000)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26,801,000,857)	145,226,263,126
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ</b>			
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	20,546,846,347	16,331,264,620
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	28,103,048	38,653,625
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	10,590,241,283	20,546,846,347



NGUYỄN THỊ HÔI  
Người lập



NGUYỄN THỊ HÔI  
Kế toán trưởng



Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022

BẠCH DƯƠNG  
Giám đốc

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty cổ phần Clever Group (tiền thân là Công ty cổ phần Quảng cáo Thông Minh), được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103026173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 04/08/2008. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về chức năng kinh doanh, tên Công ty, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật của Công ty cũng đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chuẩn y tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần đầu đến lần thứ 19 ngày 16/9/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 19 ngày 16/9/2021 là 198.890.980.000đồng.

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: ADG  
Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 3, nhà G1, Tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ quảng cáo.

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ máy vi tính và các dịch vụ liên quan đến máy vi tính;
- Quảng cáo. Chi tiết: Dịch vụ quảng cáo (Trừ dịch vụ quảng cáo thuốc lá);
- Hoạt động tư vấn quản lý. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn quản lý;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ Telex.

**1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.4 Cấu trúc doanh nghiệp**

Cấu trúc Công ty bao gồm các chi nhánh trong nước, các công ty con và công ty liên kết. Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 01 văn phòng trực thuộc tại Hà Nội và 02 chi nhánh trực thuộc tại Đà Nẵng và thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các công ty con, liên doanh, liên kết và đơn vị trực thuộc như sau:

Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty liên kết		(%)	(%)	
1. Công ty cổ phần Mạng Quảng cáo Thông Minh	Việt Nam	40	40	Quảng cáo trên điện thoại di động
2. Công ty TNHH ADOP Vietnam	Việt Nam	40	40	Dịch vụ Công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
3. Công ty cổ phần Công nghệ Lazi	Việt Nam	38	38	Quảng cáo, Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
4. Công ty cổ phần Techcen	Việt Nam	30	30	Lập trình máy vi tính

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

#### 1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tên công ty con/công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
<i>Công ty con</i>		(%)	(%)	
1. Công ty PT CleverAds	Indonesia	95	95	Tư vấn quản lý khác
2. Công ty cổ phần Review Thông Minh	Việt Nam	70	70	Dịch vụ quảng cáo
3. Công ty TNHH Quảng cáo Thông Minh Myanmar	Myanmar	99	99	Dịch vụ quảng cáo
4. Công ty cổ phần Orion Media	Việt Nam	77	77	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
5. Công ty cổ phần Truyền thông NAH	Việt Nam	72	72	Sản xuất nội dung truyền thông, quảng cáo thương hiệu, sản phẩm
6. Công ty cổ phần Công nghệ quảng cáo ADTech	Việt Nam	60	60	Triển khai các giải pháp kỹ thuật mới, mở rộng và nâng cao hiệu quả các kênh quảng cáo. Tối ưu hóa doanh thu cho các mobile apps dựa trên công nghệ blockchain và AI
7. Công ty cổ phần Trực tuyến Clever X	Việt Nam	75	75	Đại lý, môi giới, hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, lập trình máy vi tính, xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động khác liên quan, công nghệ thông tin, dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu
8. Công ty cổ phần CMetric	Việt Nam	88,33	88,33	Dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy tính
9. Công ty cổ phần Công nghệ Giáo dục lớp học mới	Việt Nam	95	95	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

#### 1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

#### 1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc tại ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Deloitte Việt Nam

### 2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 2.1 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### 2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

### 3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

#### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

#### 3.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam và quy định tại Thông tư 202/2014/TT – BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

#### Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

#### Hợp nhất kinh doanh

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Công ty liên kết là đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát đối với các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### **Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 02 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### **Lãi từ giao dịch mua rẻ**

Lãi từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

### **Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc nhưng số liệu thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **Các khoản đầu tư tài chính**

*Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và các khoản trái phiếu nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### ***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

### ***Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác:***

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, theo đó giá gốc của khoản đầu tư được xác định bằng giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị ban đầu trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng được lập khi phát sinh sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

### **Các khoản phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho cuối kỳ là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các hợp đồng chưa được nghiệm thu. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành giá vốn phù hợp với các quy định kế toán hiện hành.

### **Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình được phân ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của từng nhóm tài sản cố định như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

<i>Tài sản</i>	<i>Khung khấu hao</i>
Phương tiện vận tải	06 - 08 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 năm
Máy móc, thiết bị	04 năm

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

TSCĐ vô hình của Công ty là bản quyền, bằng sáng chế được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 20 năm.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)****Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm chi phí trả trước tiền thuê văn phòng được phân bổ vào chi phí hoạt động trong kỳ tương ứng với thời gian trả trước, phí cập nhật dữ liệu được phân bổ trong thời gian 10 tháng, phí sử dụng đường bộ được phân bổ trong thời gian 12 tháng. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ dụng cụ được phân bổ vào chi phí hoạt động trong kỳ trong thời gian từ 18 đến 36 tháng, chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ trong thời gian 24 tháng.

**Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

### Các khoản vay

Các khoản vay được ghi nhận căn cứ hợp đồng vay, khế ước nhận nợ.

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn và nguyên tệ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản vay đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay dài hạn.

### Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm các khoản lãi tiền vay, các khoản chi phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục vay, có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) sau khi trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Các chi phí đi vay được vốn hoá khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Việc vốn hoá các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

### Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Các khoản chi phí phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm chi phí lãi vay và chi phí quảng cáo phải trả.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành bổ sung. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30/09/2021 là số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ đi (-) thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận chưa phân phối của năm trước.

### Doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu cung cấp dịch vụ quảng cáo và doanh thu bán bất động sản.

#### Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### **Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

### **Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác:**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

### **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm chiết khấu thương mại. Chiết khấu thương mại là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

### **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh giá vốn của dịch vụ đã cung cấp trong kỳ. Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, giá vốn hàng bán còn bao gồm các khoản chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho kể cả khi sản phẩm hàng hóa chưa được tiêu thụ; giá trị hàng tồn kho bị hao hụt, mất mát và khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

### **Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và lỗ tỷ giá hối đoái.

### **Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng bao gồm các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm tiền lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, các khoản phụ cấp), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; các chi phí môi giới bán hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm.

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí bán hàng trong kỳ kế toán.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Công ty không phát sinh các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

### Thuế

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp: Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

### **3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

#### **Các bên liên quan**

Các bên được xem là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát phía bên kia hoặc tạo ra ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong các quyết định về tài chính và kinh doanh. Các bên có liên quan là các doanh nghiệp kể cả công ty mẹ, công ty con, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

#### **Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

#### **Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là kinh doanh quảng cáo và bán bất động sản đầu tư và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý chủ yếu là Việt Nam (do doanh thu của công ty con ở nước ngoài chiếm tỷ trọng nhỏ) nên báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Tiền mặt tại quỹ	417,135,061	44,577,184
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10,173,106,223	20,502,269,163
<b>Tổng</b>	<b>10,590,241,284</b>	<b>20,546,846,347</b>

**5.2 Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>225,056,848,747</b>	<b>225,056,848,747</b>	<b>116,212,643,459</b>	<b>116,212,643,459</b>
- Tiền gửi có kỳ hạn	5,334,087,538	5,334,087,538	1,499,058,746	1,499,058,746
- Trái phiếu (i) <i>Công ty TNHH Điện mặt trời Mỹ Sơn 2</i>	219,722,761,209	219,722,761,209	114,713,584,713	114,713,584,713
<i>Công ty TNHH Sài Gòn Glory</i>	16,450,000,000	16,450,000,000	1,650,000,000	1,650,000,000
<i>Công ty cổ phần Tập đoàn Đất xanh</i>			97,500,000,000	97,500,000,000
<i>Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Thủy Điện ĐắkPsi</i>	5,000,000,000	5,000,000,000	1,963,584,713	1,963,584,713
<i>Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Trung Nam</i>	60,882,761,209	60,882,761,209		
<i>Công ty cổ phần đầu tư Tân Thành Long An</i>	22,000,000,000	22,000,000,000		
<i>Công ty cổ phần Bông Sen</i>	89,790,000,000	89,790,000,000		
- Các khoản đầu tư khác	25,600,000,000	25,600,000,000		
<b>Tổng</b>	<b>225,056,848,747</b>	<b>225,056,848,747</b>	<b>116,212,643,459</b>	<b>116,212,643,459</b>

(i): Các khoản đầu tư trái phiếu có kỳ hạn dưới 12 tháng với lãi suất đầu tư từ 8% - 9%/năm. Các khoản trái phiếu sẽ được thanh toán cả gốc và lãi tại ngày tắt toán khoản đầu tư.

**b. Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết**

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty cổ phần Mạng quảng cáo thông minh	1,756,000,000	1,751,635,619	1,756,000,000	1,752,621,290

**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**Địa chỉ: Tầng 3 nhà G1 tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,  
phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Mẫu số B09a – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty TNHH VKIDS Việt Nam	2,000,000,000	760,000,000	-	-
Công ty cổ phần OMG Radio	-	-	87,000,000	87,000,000
Công ty cổ phần Lazi	2,500,000,000	950,000,000		
Công ty cổ phần Techcen	500,000,000	166,250,000		
Công ty TNHH Adop VietNam	1,570,998,893	628,399,557		
<b>Tổng</b>	<b>8,326,998,893</b>	<b>4,256,285,176</b>	<b>1,843,000,000</b>	<b>1,839,621,290</b>

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)****5.3 Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
CleverAds Philippines Corporation	6,171,841,545	5,758,974,626
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	149,999,823	411,086,279
Công ty cổ phần Giải trí và Thể thao điện tử Việt Nam	1,661,322,604	5,971,358,122
Công ty cổ phần TI KI	57,799,018,658	71,709,359,152
Các khách hàng khác	39,097,504,280	40,707,651,554
<b>Tổng</b>	<b>104,879,686,910</b>	<b>124,558,429,733</b>

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên liên quan

(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)

6,374,046,507

6,078,533,847

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty cổ phần VCCorp	-	92,400,000
Ông Đặng Trọng Toàn	360,000,000	360,000,000
Các nhà cung cấp khác	470,967,722	616,917,543
<b>Tổng</b>	<b>830,967,722</b>	<b>1,069,317,543</b>

Trong đó:

Trả trước cho người bán là các bên liên quan

(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)

-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

**5.5 Phải thu về cho vay**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>4,500,000,000</b>	<b>4,300,000,000</b>
Công ty cổ phần tập đoàn Quản lý tài sản Trí Việt	-	4,300,000,000
Công ty cổ phần phát triển Phú Mỹ	1,500,000,000	-
Công ty TNHH dịch vụ Kỹ thuật điện và xúc tiến thương mại	2,500,000,000	
Công ty cổ phần công nghệ PIHOME	500,000,000	
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>500,000,000</b>
Công ty cổ phần công nghệ PIHOME		500,000,000
<b>Tổng</b>	<b>4,500,000,000</b>	<b>4,800,000,000</b>
Trong đó:		
<b>Số dư các khoản cho vay với bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)		

**5.6 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>21,800,997,627</b>	<b>64,956,021,916</b>
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	18,124,695,084	61,178,230,142
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	413,793,969	2,028,649,409
- Lãi dự thu trái phiếu	2,905,267,254	1,620,486,363
- Lãi dự thu từ các khoản cho vay	220,676,027	-
- Phải thu khác	136,565,292	128,656,002
<b>Dài hạn</b>	<b>50,301,738,224</b>	<b>50,947,472,980</b>
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn (ii)	50,301,738,224	50,947,472,980
- Phải thu dài hạn khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>50,301,738,224</b>	<b>50,947,472,980</b>

**5.6 Các khoản phải thu khác (Tiếp theo)**

- (i) Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng được Công ty sử dụng để cầm cố tại thời điểm 31/12/2021 cho mục đích bảo đảm khoản vay tại các Ngân hàng thương mại như trình bày tại Thuyết minh số 5.17 và các khoản đặt cọc thuê văn phòng; Chi tiết như sau:



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

- Các hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với tổng giá trị cầm cố là 4.273.601.172 đồng, lãi suất từ 4,85%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long.
  - Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam với tổng giá trị cầm cố là 8.091.328.183 đồng, lãi suất 4,6 - 4,7%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm
  - Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng CitiBank với tổng giá trị cầm cố là 1.500.000.000 đồng, lãi suất 0,05%/năm được thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng CitiBank.
  - Các Hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng Thịnh Vượng với tổng giá trị cầm cố là 3.405.882.749 đồng, lãi suất 4,5 -5%/năm cho hợp đồng cấp bảo lãnh tại các Ngân hàng thương mại.
  - Các khoản đặt cọc thuê văn phòng tại Hà Nội, chi nhánh Đà Nẵng và chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh với số tiền là 686.472.980 đồng.
- (ii) Số dư cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn phản ánh trái phiếu dài hạn được Công ty sử dụng để cầm cố tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam cho mục đích bảo đảm khoản vay tại ngân hàng này như trình bày tại Thuyết minh số 5.17. Chi tiết bao gồm:
- Trái phiếu mã số CTG1929T2/01\_270 với giá trị ghi sổ tại 31 tháng 12 năm 2021 là 5.010.000.000 VND, lãi suất 6,725%/năm.
  - Trái phiếu mã số CTG208T2/02\_119 với giá trị ghi sổ tại 31 tháng 12 năm 2021 là 35.000.000.000 VND, lãi suất 6,425%/năm.
  - Trái phiếu mã số CTG1727T2/02\_2634 với giá trị ghi sổ tại 31 tháng 12 năm 2021 là 10.200.000.000 VND, lãi suất 6,85%/năm.

**5.7 Nợ xấu**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty cổ phần Dịch vụ trực tuyến FPT	-	-	89,444,768	-
Chi nhánh - Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trường Sa	-	-	23,760,000	-
Công ty cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng công trình Nghi dưỡng S.P.A	-	-	31,350,000	-
Công ty TNHH Khu du lịch Vịnh Thiên Đường	-	-	45,100,000	-
Công ty TNHH Giáo dục WISDOMLAND	-	-	11,000,000	-
Công ty cổ phần Đầu tư thương mại và Phát triển nhà Việt Nam	41,454,545	-	41,454,545	-
Công ty TNHH GOGALA	49,745,079	-	50,913,079	-
Công ty TNHH Xây dựng Hàng rào Biệt Thự	53,745,958	-	53,745,958	-
Công ty TNHH ILA Việt Nam	66,734,809	-	66,734,809	-
Công ty TNHH quảng cáo truyền thông Minh Thành Phát	145,949,280	-	195,949,280	-
<b>Tổng</b>	<b>357,629,671</b>	<b>-</b>	<b>609,452,439</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

**5.8 Hàng tồn kho**

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Chi phí SXKD dở dang	6,854,461,847	-	896,392,784	-
<b>Cộng</b>	<b>6,854,461,847</b>	<b>-</b>	<b>896,392,784</b>	<b>-</b>

**5.9 Chi phí trả trước**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>811,857,938</b>	<b>345,873,100</b>
- Chi phí thuê văn phòng	372,180,578	89,865,188
- Chi phí bảo hiểm thân vỏ		6,388,667
- Phí sử dụng đường bộ	1,980,000	-
- Chi phí cập nhật dữ liệu		-
- Công cụ dụng cụ phân bổ	-	57,812,553
- Chi phí trả trước khác	437,697,360	191,806,692
<b>Dài hạn</b>	<b>1,228,768,269</b>	<b>1,462,463,266</b>
- Công cụ dụng cụ phân bổ	1,198,820,181	1,396,081,691
- Chi phí trả trước dài hạn khác	29,948,088	66,381,576
<b>Cộng</b>	<b>2,040,626,207</b>	<b>1,808,336,366</b>

**5.10 Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Tổng</i>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2021	11,815,557,181	336,593,455	189,701,819	12,341,852,455
Mua trong kỳ	2,402,547,273	-	-	2,402,547,273
Thanh lý, nhượng bán	(611,272,727)	-	-	(611,272,727)
Tại ngày 31/12/2021	<b>13,606,831,727</b>	<b>336,593,455</b>	<b>189,701,819</b>	<b>14,133,127,001</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2021	7,586,933,654	332,580,104	159,944,964	8,079,458,722
Khấu hao trong kỳ	1,114,384,582	9,886,365	10,937,766	1,135,208,713
Tăng khác	5,873,014	-	-	5,873,014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Thanh lý, nhượng bán	(492,414,142)	-	-	(492,414,142)
Giảm khác		(5,873,014)	-	(5,873,014)
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>8,214,777,108</b>	<b>336,593,455</b>	<b>170,882,730</b>	<b>8,722,253,293</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2021	4,228,623,527	4,013,351	29,756,855	4,262,393,733
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>5,392,054,619</b>	<b>-</b>	<b>18,819,089</b>	<b>5,410,873,708</b>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30/06/2021 là 4.354.845.181 VND (ngày 31/12/2020: 3.693.908.818 VND).

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố cho vay tại ngày 30/06/2021 là 0 VND (ngày 31/12/2020: 0 VND)

**5.11 Tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm tin học	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản cố định khác	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2021	-	400,000,000	-	400,000,000
Mua trong kỳ	-	4,380,511,265	-	4,380,511,265
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>-</b>	<b>4,780,511,265</b>	<b>-</b>	<b>4,780,511,265</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2021	-	68,273,965	-	68,273,965
Khấu hao trong kỳ	-	19,999,992	-	19,999,992
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>-</b>	<b>88,273,957</b>	<b>-</b>	<b>88,273,957</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2021	-	331,726,035	-	331,726,035
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>-</b>	<b>4,692,237,308</b>	<b>-</b>	<b>4,692,237,308</b>

**5.12 Tăng giảm bất động sản đầu tư**

	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
<b>BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ NĂM GIỮ CHỜ TĂNG GIÁ</b>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>36,579,425,535</b>	<b>-</b>	<b>(31,661,650,900)</b>	<b>4,917,774,635</b>
Nhà và quyền sử dụng đất	36,579,425,535	-	(31,661,650,900)	4,917,774,635

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

**TÔN THẤT DO SUY GIẢM  
 GIÁ TRỊ**

<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	<b>36,579,425,535</b>	-	<b>(31,661,650,900)</b>	<b>4,917,774,635</b>
Nhà và quyền sử dụng đất	36,579,425,535	-	(31,661,650,900)	4,917,774,635

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2021 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán.

**5.13 Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phần mềm bản quyền khai thác hệ thống Social Listening SMCC		-
<b>Tổng</b>	-	-

**5.14 Lợi thế thương mại**

	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2021	7,578,987,600
Tăng trong kỳ	685,329,956
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>8,264,317,556</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2021	3,852,629,272
Khấu hao trong kỳ	3,175,193,229
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>7,027,822,501</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 01/01/2021	3,726,358,328
<b>Tại ngày 31/12/2021</b>	<b>1,236,495,055</b>

**5.15 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty cổ phần Châu Á Tiêu Điểm	-	-	110,000,000	110,000,000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Công ty TNHH MTV Thương Mại TIKI Face Book Ireland Limited	490,412,579	490,412,579	-	-
Google Ireland Ltd	17,117,208,494	17,117,208,494	21,788,812,002	21,788,812,002
Các khoản phải trả nhà cung cấp khác	45,921,399,951	45,921,399,951	51,054,060,715	51,054,060,715
	2,210,393,147	2,210,393,147	4,228,030,978	4,228,030,978
<b>Tổng</b>	<b>65,739,414,171</b>	<b>65,739,414,171</b>	<b>77,180,903,695</b>	<b>77,180,903,695</b>

Trong đó:

Phải trả người bán là các bên  
liên quan

(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)

**5.16 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Văn hóa và Truyền thông AZ Việt Nam	515,000,000	515,000,000	-	-
CÔNG TY CỔ PHẦN BERJAYA - BỜ BIỂN DÀI	569,885,800	569,885,800	-	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	-	340,437,928	340,437,928
Các khách hàng khác	8,944,841,638	8,944,841,638	6,649,066,298	6,649,066,298
<b>Tổng</b>	<b>10,029,727,438</b>	<b>10,029,727,438</b>	<b>6,989,504,226</b>	<b>6,989,504,226</b>

Trong đó:

Phải thu khách hàng là các bên  
liên quan

(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)

**5.17 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021 VND	Số phải nộp trong kỳ (VND)	Số đã nộp trong kỳ (VND)	31/12/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	7,369,152,682	78,975,037,619	(80,453,703,908)	5,890,486,393
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5,539,471,994	12,283,300,191	(11,074,232,266)	6,748,539,919
Thuế thu nhập cá nhân	446,484,576	1,546,369,356	(1,391,276,944)	601,576,988
Thuế bảo vệ MT và các loại thuế khác	387,369,986	31,860,720,555	(30,833,281,846)	1,414,808,695
<b>Tổng</b>	<b>13,742,479,238</b>	<b>124,665,427,721</b>	<b>(123,752,494,964)</b>	<b>14,655,411,995</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

**5.18 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 (VND)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60,064,633	57,003,564
<b>Tổng</b>	<b>60,064,633</b>	<b>57,003,564</b>

**5.19 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 (VND)
Chi phí lãi vay phải trả	42,214,721	-
Chi phí phải trả khác	493,086,934	56,284,216
<b>Tổng</b>	<b>535,301,655</b>	<b>56,284,216</b>

**5.20 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2021 VND		01/01/2021 VND	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
Kinh phí công đoàn	256,782,988	256,782,988	279,596,033	279,596,033
Các khoản phải trả khác	1,333,725,812	1,333,725,812	792,559,277	792,559,277
<b>Tổng</b>	<b>1,590,508,800</b>	<b>1,590,508,800</b>	<b>1,072,155,310</b>	<b>1,072,155,310</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**5.21 Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2021 (VND)		Trong kỳ		01/01/2021 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>79,315,514,253</b>	<b>79,315,514,253</b>	<b>291,328,710,919</b>	<b>(309,039,452,485)</b>	<b>97,026,255,819</b>	<b>97,026,255,819</b>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - CN Nam Thăng Long (i)	79,315,514,253	79,315,514,253	291,328,710,919	(309,039,452,485)	97,026,255,819	97,026,255,819
<b>Dư nợ tín dụng</b>	<b>4,028,593,898</b>	<b>4,028,593,898</b>	<b>93,121,683,900</b>	<b>(94,160,776,965)</b>	<b>5,067,686,963</b>	<b>5,067,686,963</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Hoàn Kiếm (ii)	3,526,416,636	3,526,416,636	86,797,560,662	(88,133,139,525)	4,861,995,499	4,861,995,499
Ngân hàng CitiBank, N.A - Chi nhánh Hà Nội (iii)	502,177,262	502,177,262	6,324,123,238	(6,027,637,440)	205,691,464	205,691,464
<b>Tổng</b>	<b>83,344,108,151</b>	<b>83,344,108,151</b>	<b>384,450,394,819</b>	<b>(403,200,229,450)</b>	<b>102,093,942,782</b>	<b>102,093,942,782</b>

(i) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Thăng Long bao gồm 2 hợp đồng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 001/2021/HĐCVHM/NHCT140 - CLEVERADS ký ngày 01/11/2021 với hạn mức tín dụng là 90.000.000.000 VND, thời hạn duy trì hạn mức là 01 năm kể từ ngày 01/11/2022. Khoản vay có thời hạn 03 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất 3,5 % / năm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản sau:

+ Trái phiếu mã số CTG1929T2/01\_270 và CTG1727T2/02-2634 có giá trị ghi sổ tại ngày 30/09/2021 lần lượt là 5.010.000.000 VND và 10.200.000.000 VND tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 005/2019/HĐBĐ/NHCT140 - CLEVERGROUP ngày 17/01/2020 và số 010/2020/HĐBĐVN/NHCT140 - CLEVERGROUP ngày 17/11/2020 giữa Ngân hàng và Công ty (Thuyết minh số 5.6).

+ Các hợp đồng tiền gửi của Công ty cổ phần Clever Group tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam với tổng giá trị cầm cố là 4.273.601.172 VND (Thuyết minh số 5.6)

+ Tài sản đảm bảo là bất động sản của bên thứ ba do ông Nguyễn Khánh Trình là chủ sở hữu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

- Hợp đồng cho vay từng lần số 02/2021-HĐCVTL/NHCT140-CLEVER ký ngày 25/06/2021 với số tiền là 35.000.000.000 VND, thời hạn cho vay là 12 tháng kể từ ngày giải ngân, chịu lãi suất 5,6%/năm. Mục đích của khoản vay là để bổ sung vốn thực hiện hoạt động kinh doanh thương mại của Công ty. Khoản vay được đảm bảo bằng trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam mã số CTG2028T2 /02-119 theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 08/2020/HĐBĐ/NHCT140 - CLEVERGROUP ký ngày 24/9/2020 giữa Ngân hàng và Công ty. Giá trị ghi sổ của khoản trái phiếu này tại ngày 31/12/2021 là 35.000.000.000 VND (Thuyết minh số 5.6).

- (ii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, có hạn mức 8.500.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 60 ngày kể từ ngày giải ngân, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 30 %/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tiền gửi tại Ngân hàng này với giá trị tại ngày 31/12/2021 là 8.091.328.183 VND (Thuyết minh số 5.6).
- (iii) Khoản vay thông qua thẻ tín dụng Ngân hàng Citibank, có hạn mức 1.500.000.000 VND với mục đích thanh toán chi phí quảng cáo cho Google. Khoản vay được miễn lãi 10 ngày kể từ ngày thông báo giao dịch hàng tháng, sau thời hạn miễn lãi khoản vay chịu lãi suất 3 % /tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ số tiết kiệm của Công ty tại Ngân hàng Citibank với giá trị tại ngày 31/12/2021 là 1.500.000.000 VND (Thuyết minh số 5.6)

**5.22 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1,922,920,512	1,779,445,909
<b>Tổng</b>	<b>1,922,920,512</b>	<b>1,779,445,909</b>

**5.23 Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi ích của cổ đồng không kiểm soát	Chênh lệch tỷ giá	Lợi nhuận chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Tổng
Số dư đầu năm trước	74,000,000,000	-	10,350,789,466	956,660,240	43,003,477,919	128,310,927,625
Tăng vốn điều lệ	8,880,000,000	60,867,960,000	-	-	-	69,747,960,000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Phát hành cổ phiếu ESOP	1,846,270,000					1,846,270,000
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	34,444,040,000				(34,444,040,000)	-
Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần	60,833,020,000	(60,833,020,000)				-
Tăng do đầu tư vào công ty con	-	-	750,000,000	-	-	750,000,000
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	(383,991,347)	-	40,009,353,746	39,625,362,399
Giảm khác	-	-	(5,589,570)	-	28,887,778	23,298,208
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(116,039,539)	-	(116,039,539)
<b>Số dư cuối năm trước/đầu kỳ này</b>	<b>180,003,330,000</b>	<b>34,940,000</b>	<b>10,711,208,549</b>	<b>840,620,701</b>	<b>48,597,679,443</b>	<b>240,187,778,693</b>
Tăng vốn trong kỳ	17,999,650,000	-	-	-	(17,999,650,000)	-
Chia cổ tức bằng tiền mặt					(8,974,781,000)	(8,974,781,000)
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	1,188,360,658	-	38,508,581,589	39,696,942,247
Tăng do đầu tư vào công ty con	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	888,000,000	-	-	-	-	888,000,000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	(521,556,875)	(521,556,875)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	56,608,136	-	56,608,136
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>198,890,980,000</b>	<b>34,940,000</b>	<b>11,899,569,207</b>	<b>897,228,837</b>	<b>59,610,273,157</b>	<b>271,332,991,201</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

**5.23 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2021 (VND)	01/01/2021 (VND)
Ông Nguyễn Khánh Trinh	53,154,280,000	47,885,710,000
Ông Dư Khắc Châu	1,784,350,000	1,603,960,000
YELLO DIGITAL MARKETING GLOBAL PTE LTD (tên mới là FSN Asia Private Ltd)	79,639,470,000	72,399,520,000
Cyber Agent Capital, Inc	-	210,760,000
Các cổ đông khác	64,312,880,000	57,903,380,000
Thặng dư vốn cổ phần	34,940,000	34,940,000
<b>Tổng</b>	<b>198,925,920,000</b>	<b>180,038,270,000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận:**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021 (VND)	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020 (VND)
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
+ Vốn góp đầu kỳ	18,000,333	18,000,333
+ Vốn góp tăng trong kỳ	1,888,765	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	19,889,098	18,000,333
Cổ tức:		

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/NQ-ĐH ngày 22/05/2021, phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

- + Chia cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% tương đương với giá trị 9.000.166.500 VND
- + Chia cổ tức năm 2020 bằng cổ phiếu với tỷ lệ 10% tương đương với giá trị 18.000.333.000 VND

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	19,889,098	18,000,333
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19,889,098	18,000,333
Cổ phiếu phổ thông	19,889,098	18,000,333
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19,889,098	18,000,333
Cổ phiếu phổ thông	19,889,098	18,000,333
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cổ phiếu	

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

**5.24 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**Tài sản thuê ngoài**

	31/12/2021	01/01/2021
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 01 năm trở xuống	1,282,970,510	2,995,081,200
Trên 01 năm đến 05 năm	7,234,423,367	12,981,782,400
<b>Tổng</b>	<b>8,517,393,877</b>	<b>15,976,863,600</b>
<b>Ngoại tệ các loại</b>	<b>31/12/2021</b>	<b>01/01/2021</b>
Đô la Mỹ (USD)	141,003	34,675

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	551,481,830,472	454,895,244,097
Doanh thu bán bất động sản đầu tư	34,424,374,593	-
<b>Tổng</b>	<b>585,906,205,065</b>	<b>454,895,244,097</b>

**Doanh thu với các bên liên quan**

(Chi tiết tại thuyết minh số 7.2)

**Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020 VND
Chiết khấu thương mại	1,201,476,500	3,001,962,593
<b>Tổng</b>	<b>1,201,476,500</b>	<b>3,001,962,593</b>

**Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	480,655,409,381	374,428,155,037
Giá vốn bán bất động sản đầu tư	31,661,650,900	-
<b>Tổng</b>	<b>512,317,060,281</b>	<b>374,428,155,037</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

**Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020 VND
Lãi tiền gửi, trái phiếu, tiền cho vay	22,135,773,521	14,887,881,378
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,521,397,083	690,771,066
Doanh thu hoạt động tài chính khác		
<b>Tổng</b>	<b>23,657,170,604</b>	<b>15,578,652,444</b>

**Chi phí tài chính**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020 VND
Chi phí lãi vay	3,778,586,809	1,901,112,893
Lỗ chênh lệch tỷ giá	48,217,566	221,210,480
Chi phí tài chính khác	767,182,957	-
<b>Tổng</b>	<b>4,593,987,332</b>	<b>2,122,323,373</b>

**Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020 VND
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	8,775,785,511	7,742,104,192
Chi phí đồ dùng văn phòng	1,828,717,995	1,631,252,164
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại	1,541,798,864	5,352,353,134
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi		18,194,143
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7,502,479,596	8,958,414,553
Chi phí khác bằng tiền	630,577,622	74,941,384
<b>Tổng</b>	<b>20,279,359,588</b>	<b>23,777,259,570</b>

**Chi phí bán hàng**

Chi phí nhân viên	15,294,542,956	13,249,161,756
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,092,148,857	1,301,274,159
Chi phí khác bằng tiền	23,826,175	19,219,082
<b>Tổng</b>	<b>17,410,517,988</b>	<b>14,569,654,997</b>

**Thu nhập khác và chi phí khác**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>858,999,117</b>	<b>1,085,083,094</b>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ và CCDC	120,000,000	-
- Xử lý số dư công nợ	585,026,311	104,737,500

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

- Các khoản khác	153,972,806	980,345,594
<b>Chi phí khác</b>	<b>2,084,011,921</b>	<b>1,001,149,752</b>
- Chi phí khấu hao xe không hợp lý	385,744,992	248,425,591
- Truy thu thuế và phạt vi phạm hành chính	13,860,043	-
- Chi ủng hộ, tài trợ		600,000,000
- Các khoản khác	1,684,406,886	152,724,161
<b>Thu nhập khác/Chi phí khác (thuần)</b>	<b>(1,225,012,804)</b>	<b>83,933,342</b>

**Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3,737,782,257	3,711,950,133
Chi phí nhân công	35,586,029,572	32,035,378,075
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ lợi thế thương mại	3,957,594,925	5,263,245,300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	506,395,147,223	369,503,583,804
Chi phí khác bằng tiền	330,383,880	1,428,403,691
<b>Tổng</b>	<b>550,006,937,857</b>	<b>411,942,561,003</b>

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

**6.9 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	11,642,896,703	12,181,659,842
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập của năm trước vào chi phí thuế TNNH kỳ này	251,868,410	-
<b>Tổng</b>	<b>11,894,765,113</b>	<b>12,181,659,842</b>

**6.10 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế		920,481,795
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoãn nộp thuế thu nhập hoãn lại phải trả	151,191,556	-
<b>Tổng</b>		

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

	151,191,556	920,481,795
	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020 VND
<b>6.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38,508,581,589	39,945,982,455
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	38,508,581,589	39,945,982,455
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	19,889,098	7,680,443
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>1,936</b>	<b>5,201</b>

	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020 VND
<b>6.12 Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	38,508,581,589	39,945,982,455
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	38,508,581,589	39,945,982,455
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	19,889,098	7,680,443
Cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành bổ sung (cổ phiếu) (i)		
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**7. THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Các khoản cam kết**

**Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản cam kết thuê hoạt động bao gồm:

- Tiền thuê 520 m2 văn phòng tại số 27 Thăng Long, Phường 04, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh với giá thuê 3.000.000 VND/m2/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 6 năm tính từ ngày 12/09/2020.
- Tiền thuê 407,5 m2 văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 2.748.000 VND/m2/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 15/07/2018.
- Tiền thuê 80,24 m2 văn phòng tầng 6 tại tòa nhà Thành Quân Building, số 132 - 136 Lê Đình Lý, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, TP Đà Nẵng với giá thuê 22.066.000 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm tính từ ngày 22/05/2020.
- Tiền thuê 133.55 m2 văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 28.077.552 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 2 năm 2 tháng tính từ ngày 26/11/2021.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CLEVER GROUP**

Địa chỉ: Tầng 3 nhà G1 tòa nhà Five Star số 2 Kim Giang,  
phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

Mẫu số B09a – DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

- Tiền thuê 145.45 m2 văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 30.579.408 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 3 năm tính từ ngày 01/12/2020.

- Tiền thuê 108 m2 văn phòng tại số 2 Kim Giang, Phường Kim Giang, Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội với giá thuê 20.571.055 VND/tháng. Hợp đồng thuê được ký với thời hạn 5 năm tính từ ngày 01/08/2018.

### Cam kết vốn

Ngày 26/09/2017, Hội đồng quản trị đã phê duyệt tổng mức vốn đầu tư cho Công ty TNHH Quảng cáo Thông minh Myanmar là 1.138.000.000 VND. Tại ngày 31/12/2021, giá trị đã đầu tư là 0 VND và tổng giá trị đầu tư Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.138.000.000 VND

## 7.2 Thông tin về các bên liên quan

*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Mạng Quảng Cáo Thông Minh	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Kho ứng dụng thông minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
CleverAds Philippines Corporation	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty cổ phần JobsGO	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

**7.2 Thông tin về các bên liên quan (Tiếp theo)**

**a. Giao dịch với bên liên quan**

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020 VND
<b>Bán hàng</b>				
CleverAds Philippines Corporation	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	9,635,653,450	6,078,256,250
Công ty cổ phần JobsGo	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	Cung cấp dịch vụ	1,824,568,801	1,253,452,533
Công ty TNHH ADOP Vietnam	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	54,233,051	-
<b>Tổng</b>			<b>11,460,222,251</b>	<b>7,331,708,783</b>
<b>Cho vay</b>				
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	Cho vay	19,350,000,000	-
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	Thu hồi tiền cho vay	19,350,000,000	-
Ông Nguyễn Khánh Trình	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	612,617,767	-

**b. Số dư với các bên liên quan**

Các bên có liên quan	Mối quan hệ	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021 VND	Kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2020 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>			
CleverAds Philippines Corporation	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	6,374,046,507	6,078,533,847
Công ty cổ phần JobsGo	Cùng thành viên quản lý chủ chốt	6,171,841,545 202,204,962	5,758,974,626 319,559,221



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

**7.3 Báo cáo bộ phận**

Báo cáo kết quả bộ phận cho kỳ kế toán 12 tháng kết thúc ngày 31/12/2021

<i>Chỉ tiêu</i>	<b>KD quảng cáo</b>	<b>Bán BĐS đầu tư</b>	<b>Đầu tư tài chính</b>	<b>Tổng</b>
<i>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</i>				
- Doanh thu bán ra bên ngoài	550,280,353,972	34,424,374,593	-	584,704,728,565
<b>Tổng doanh thu thuần</b>	<b>550,280,353,972</b>	<b>34,424,374,593</b>	-	<b>584,704,728,565</b>
<i>Chi phí kinh doanh</i>				
- Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	480,655,409,381	31,661,650,900	-	550,006,937,857
- Chi phí bán hàng	17,410,517,988	-	-	512,317,060,281
- Chi phí QLDN	20,279,359,588	-	-	17,410,517,988
<b>Kết quả HĐKD</b>	<b>31,935,067,015</b>	<b>2,762,723,693</b>	-	<b>20,279,359,588</b>
- Thu nhập từ HĐTC	-	-	23,657,170,604	-
- Lợi nhuận khác	-	-	4,593,987,332	-
- LN/(lỗ) trước thuế	<b>31,935,067,015</b>	<b>2,762,723,693</b>	<b>28,251,157,936</b>	<b>34,697,790,708</b>

<i>Chỉ tiêu</i>	<b>KD quảng cáo</b>	<b>Bán BĐS đầu tư</b>	<b>Đầu tư tài chính</b>	<b>Tổng cộng</b>
<b>Tài sản</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	10,590,241,284	-	-	10,590,241,284
Các khoản đầu tư tài chính	8,326,998,893	-	-	233,383,847,640
Các khoản phải thu	181,955,760,812	-	225,056,848,747	181,955,760,812
Hàng tồn kho	6,854,461,847	-	-	6,854,461,847
Tài sản khác	2,133,257,249	-	-	2,133,257,249
Tài sản cố định	10,103,111,015	-	-	10,103,111,015
Bất động sản đầu tư	4,917,774,635	-	-	4,917,774,635

Thuyết minh báo cáo tài chính là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với báo cáo tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2021

Lợi thế thương mại	1,236,495,055	-	-	1,236,495,055
<b>Tổng tài sản</b>	<b>226,118,100,790</b>	<b>-</b>	<b>225,056,848,747</b>	<b>451,174,949,537</b>
Nợ phải trả				
Nợ ngắn hạn	177,919,037,825	-	-	177,919,037,825
Nợ dài hạn	1,922,920,512	-	-	1,922,920,512
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>179,841,958,337</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>179,841,958,337</b>

**7.3 Sự kiện phát sinh sau kỳ kế toán:**

Sau khi kế toán, công ty chưa có sự kiện nào phát sinh

**7.4 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH DELOITTE Việt Nam.



**NGUYỄN THỊ HÒI**  
Người lập



**NGUYỄN THỊ HÒI**  
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2022



**BÁCH DƯƠNG**  
Giám đốc